

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ NĂNG LỰC

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HOÀNG THÀNH VIỆT NAM



- **Địa chỉ** : Số 73, tổ dân phố 15, tập thể trường cao đẳng xây dựng số 1, đường Trung Văn, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
- **VPGD** : Số 61 Phố Nông Vụ – P.Phúc Lợi – Q.Long Biên – TP.Hà Nội.
- **Mã số thuế** : 0108 255 282 **Email** : xaydunghoangthanh.vn@gmail.com
- **Điện thoại** : 0988 490 186 **Website** : xaydunghoangthanh.vn
- **Tài khoản** : 0200 8293 5062 tại Ngân hàng Sacombank – CN Vạn phúc Hà Nội.



MỤC LỤC

- ❖ **PHẦN I – LỜI GIỚI THIỆU** *(Trang 02)*
- ❖ **PHẦN II – HỒ SƠ PHÁP LÝ** *(Trang 04)*
- ❖ **PHẦN III – NĂNG LỰC NHÂN SỰ** *(Trang 40)*
- ❖ **PHẦN IV – NĂNG LỰC MÁY MÓC, THIẾT BỊ
THI CÔNG** *(Trang 51)*
- ❖ **PHẦN V – MỘT SỐ HỢP ĐỒNG THI CÔNG TIÊU
BIỂU** *(Trang 61)*
- ❖ **PHẦN VI – HÌNH ẢNH THỰC TẾ MỘT SỐ CÔNG
TRÌNH TIÊU BIỂU** *(Trang 65)*



❖ **PHẦN I – LỜI GIỚI THIỆU**



Kính gửi quý khách hàng và các đối tác!

- ✓ Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Thành Việt Nam (**HOÀNG THÀNH**) xin gửi tới quý khách hàng, đối tác lời chúc sức khỏe và lời chào trân trọng nhất. Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn sự ủng hộ, quan tâm và ưu ái của quý khách hàng, Chủ đầu tư, các đơn vị đối tác đã dành cho chúng tôi trong suốt thời gian qua cũng như thời gian sắp tới.
- ✓ Trải qua quá trình hoạt động và phát triển **HOÀNG THÀNH** ngày càng khẳng định vị thế mạnh mẽ của một nhà thầu tiên phong trong việc ứng dụng các tiến bộ của khoa học công nghệ trong lĩnh vực **thi công xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật đặc biệt là các công trình dự án khu đô thị mới, khu nhà ở biệt thự, liền kề, Shophouse, thi công sản xuất cọc và ép cọc bê tông, thi công ép cọc và nhổ cọc và các sản phẩm từ bê tông, xi măng, thạch cao, sơn bả...**
- ✓ Với đội ngũ kỹ sư, cán bộ, công nhân viên có chuyên môn cao trong lĩnh vực thi công xây dựng công trình, **HOÀNG THÀNH** đã dần khẳng định được thương hiệu trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, mang lại niềm tin cho Khách hàng, Đối tác, các Chủ đầu tư.
- ✓ Với phương châm chỉ đạo thông suốt của ban lãnh đạo công ty từ bộ máy điều hành tới từng công nhân trên công trường thi công của mình đó là **“UY TÍN, TIN CẬY, SÁNG TẠO, TẬN TÂM”** với sứ mệnh **“AN TOÀN, TIẾN ĐỘ, CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH LÀ THƯƠNG HIỆU & SỰ HÀI LÒNG CỦA KHÁCH HÀNG LÀ ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY”**.
- ✓ Theo đó, một số dự án nổi bật mà Công ty tham gia như: Thi công xây dựng dự án “Đầu tư xây dựng công trình theo quy hoạch xã Ninh Hiệp – huyện Gia Lâm – thành phố Hà Nội”; Nhà thầu thi công công trình: NHÀ MÁY LUXSHARE ICT tại khu công nghiệp mới Vân Phong – Bắc Giang, Công trình nhà máy Euroha huyện Văn Lâm – Hưng Yên, Công trình tổ hợp nhà trưng bày sản phẩm và nhà xưởng Tuấn Dung, Trung tâm hội nghị quốc tế FLC Vĩnh phúc, Hoàn thiện bệnh viện Quốc tế Phương Đông...
- ✓ Sau thời gian xây dựng và phát triển, Công ty Cổ phần xây dựng Hoàng Thành Việt Nam đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong chỉ đạo quản lý, tích lũy vốn, nâng cao năng lực thi công, tăng cường các mối quan hệ của Công ty với các đối tác, Doanh nghiệp bạn cả về chiều sâu và chiều rộng và **cam kết tới khách hàng các sản phẩm thi công xây dựng với chất lượng tốt nhất, giá cả hợp lý và trường tồn song hành với thời gian.**

Trân trọng cảm ơn sự quan tâm, tin tưởng và đồng hành hợp tác của quý khách hàng!

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



❖ PHẦN II – HỒ SƠ PHÁP LÝ



1. THÔNG TIN CÔNG TY

- **Tên gọi đầy đủ:** CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HOÀNG THÀNH VIỆT NAM.
- **Tên giao dịch Quốc tế:** HOANG THANH VIETNAM CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY.
- **Tên viết tắt:** HOANGTHANH VN CONTR.,JSC
- **Địa chỉ :** Số 73, tổ dân phố 15, tập thể trường cao đẳng xây dựng số 1, đường Trung Văn, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
- **VPGD :** Số 61 Phố Nông Vụ – P. Phúc Lợi – Q. Long Biên – TP. Hà Nội.
- **Mã số thuế :** 0108 255 282 **Email :** xaydunghoangthanh.vn@gmail.com
- **Điện thoại :** 0988 490 186 **Website :** xaydunghoangthanh.vn
- **Tài khoản :** 0200 8293 5062 tại Ngân hàng Sacombank – CN Vạn phúc Hà Nội.
- **Giấy chứng nhận ĐKKD số:** 0108255282 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 03 tháng 05 năm 2018, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 28 tháng 11 năm 2023.
- **Vốn điều lệ :** 20.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng).
- **Người đại diện theo pháp luật của Công ty :**

Ông: Nguyễn Đức Hoàng

Chức danh: Giám Đốc

- ***Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số: HAN-00064533***

2. CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CHÍNH

- **Xây dựng công trình dân dụng các loại.**
- **Xây dựng công trình công nghiệp**
- **Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật**
- **Sản xuất cọc và ép cọc bê tông cốt thép.**
- **Thi công ép cừ và nhổ cừ chống đỡ các công trình.**



3. GIẤY PHÉP ĐĂNG KÝ KINH DOANH

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0108255282
Đăng ký lần đầu: ngày 03 tháng 05 năm 2018
Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 28 tháng 11 năm 2023

1. Tên công ty
Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HOÀNG THÀNH VIỆT NAM
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANG THANH VIETNAM CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY
Tên công ty viết tắt: HOANGTHANH VN CONSTR.,JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính
Số nhà 73, tổ dân phố 15, tập thể trường cao đẳng xây dựng số 1, đường Trung Văn, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 0988490186 Fax:
Email: xaydunghoangthanh.vn@gmail.com Website:

3. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng.
Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng
Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng
Tổng số cổ phần: 2.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty
* Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC HOÀNG Giới tính: Nam
Chức danh: Giám đốc
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 026092002331
Ngày cấp: 20/02/2017 Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Địa chỉ thường trú: Thôn Hạ, Xã Đôn Nhân, Huyện Sông Lô, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam
Địa chỉ liên lạc: Số 30, tổ dân phố 15, đường Trung Văn, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Hữu Lương



4. CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG	
Số: HAN-00064533	
<i>(Ban hành kèm theo Quyết định số: 297/QĐ-SXD ngày 02/6/2022 của Sở Xây dựng Hà Nội)</i>	
Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HOÀNG THÀNH VIỆT NAM	
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 0108255282	
Đăng ký lần đầu: 03/05/2018	Nơi cấp: Sở kế hoạch & đầu tư TP. Hà Nội
Tên người đại diện theo pháp luật:	
Ông (Bà): Nguyễn Đức Hoàng	Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ trụ sở chính: số 30, tổ dân phố 15, đường Trung Văn, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam	
Số điện thoại:	Số fax:
Email:	Website:
Phạm vi hoạt động xây dựng:	
- Lĩnh vực hoạt động: (Lĩnh vực/L loại công trình/Hạng)	
Thi công XD/Dân dụng/Hạng III	
Thi công XD/Nhà công nghiệp/Hạng III	
Thi công XD/Công nghiệp (Đường dây & TBA)/Hạng III	
Thi công XD/Hạ tầng kỹ thuật/Hạng III	
Thi công XD/NN & PTNT (Thủy lợi, đê điều)/Hạng III	
Thi công LĐTĐ công trình/Hạng III	
Có giá trị đến ngày: 02/6/2032	
Hà Nội, ngày 6 tháng 6 năm 2022 KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC Hoàng Cao Thắng	



5. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (NĂM)

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số: **B 01 – DN**
 (Ban hành theo Thông tư số
 200/2014/TT-BTC Ngày
 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

[01] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HOÀNG THÀNH VIỆT NAM

[02] Mã số thuế: 0108255282

[03] Địa chỉ: Số 30, tổ dân phố 15, Đường Trung
 Văn, P. Trung Văn

[04] Quận/Huyện: Quận Nam
 Từ Liêm

[05] Tỉnh/Thành phố:
 Hà Nội

[06] Điện thoại:

[07] Fax:

[08] E-mail:

BCTC đã được kiểm toán: ☐

Ý kiến kiểm toán:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		56.074.782.203	19.926.967.778
I. Tiền và các khoản tương đương tiền (110 = 111 + 112)	110		7.046.151.400	12.229.130.821
1. Tiền	111		7.046.151.400	12.229.130.821
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn (120 = 121 + 122 + 123)	120		0	0
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) (2)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn (130 = 131 + 132 + ... + 137 + 139)	130		41.826.472.232	3.565.014.928
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		6.494.408.689	3.557.398.928
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.753.094.543	0
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		32.578.969.000	7.616.000
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		0	0
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
IV. Hàng tồn kho (140 = 141 + 149)	140		6.648.777.953	4.086.184.001
1. Hàng tồn kho	141		6.648.777.953	4.086.184.001
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác (150 = 151 + 152 + ... + 155)	150		553.380.618	46.638.028
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		0	0
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		553.380.618	46.638.028
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		0	0
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		3.575.235.641	1.383.833.847
I- Các khoản phải thu dài hạn (210 = 211 + 212 + ... + 216 + 219)	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0

1/4



2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216		0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II. Tài sản cố định (220 = 221 + 224 + 227)	220		358.340.422	579.767.694
1. Tài sản cố định hữu hình (221 = 222 + 223)	221		358.340.422	579.767.694
- Nguyên giá	222		993.290.909	993.290.909
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(634.950.487)	(413.523.215)
2. Tài sản cố định thuê tài chính (224 = 225 + 226)	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình (227 = 228 + 229)	227		0	0
- Nguyên giá	228		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		0	0
III. Bất động sản đầu tư (230 = 231 + 232)	230		0	0
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		0	0
IV. Tài sản đang dở dài hạn (240 = 241 + 242)	240		0	0
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		0	0
V. Đầu tư tài chính dài hạn (250 = 251 + ... + 255)	250		0	0
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3. Đầu tư khác vào đơn vị khác	253		0	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
V. Tài sản dài hạn khác (260 = 261 + 262 + 263 + 268)	260		3.216.895.219	804.066.153
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		3.216.895.219	804.066.153
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		59.650.017.844	21.310.801.625
C - NỢ PHẢI TRẢ (300= 310 + 330)	300		38.831.580.808	19.046.127.075
I. Nợ ngắn hạn (310 = 311 + 312 + ... + 323 + 324)	310		28.531.580.808	15.046.127.075
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		24.159.180.680	11.968.886.601
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.973.104.000	2.750.309.652
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		235.238.073	58.626.822
4. Phải trả người lao động	314		0	84.300.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		0	0
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0



7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		26.050.055	0
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		138.008.000	184.004.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		0	0
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
II. Nợ dài hạn (330 = 331 + 332 + ... + 342 + 343)	330		10.300.000.000	4.000.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337		0	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		10.300.000.000	4.000.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		20.818.437.036	2.264.674.550
I. Vốn chủ sở hữu (410 = 411 + 412 + ... + 421 + 422)	410		20.818.437.036	2.264.674.550
1. Vốn góp của chủ sở hữu (411 = 411a + 411b)	411		20.000.000.000	1.800.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.000.000.000	1.800.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		0	0
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		0	0
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (421 = 421a + 421b)	421		818.437.036	464.674.550
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		464.674.550	315.508.845
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		353.762.486	149.165.705
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác (430 = 431 + 432)	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	431		0	0



2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		59.650.017.844	21.310.801.625

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 08 tháng 03 năm 2023
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Đức Hoàng

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú:

- (1) Những chỉ tiêu không có số liệu được miễn trình bày nhưng không được đánh lại “Mã số” chỉ tiêu.
- (2) Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).
- (3) Đối với doanh nghiệp có kỳ kế toán năm là năm dương lịch (X) thì “Số cuối năm” có thể ghi là “31.12.X”; “Số đầu năm” có thể ghi là “01.01.X”.
- (4) Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HOÀNG THÀNH VIỆT NAM.**



PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2022

Mẫu số: **B 02**
 – **DN**
 (Ban hành
 theo Thông
 tư số
 200/2014/TT-
 BTC Ngày
 22/12/2014
 của Bộ Tài
 chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HOÀNG THÀNH VIỆT NAM

[03] Mã số thuế: 0108255282

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		44.695.157.432	34.598.842.162
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		44.695.157.432	34.598.842.162
4. Giá vốn hàng bán	11		42.028.771.822	33.191.881.752
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		2.666.385.610	1.406.960.410
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		128.391	223.245
7. Chi phí tài chính	22		372.691.883	30.902.563
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		372.691.883	30.902.563
8. Chi phí bán hàng	25		0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1.851.866.324	1.188.837.820
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		441.955.794	187.443.272
11. Thu nhập khác	31		263.813	0
12. Chi phí khác	32		16.500	986.141
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		247.313	(986.141)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		442.203.107	186.457.131
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		88.440.621	37.291.426
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		353.762.486	149.165.705
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		0	0



Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 08 tháng 03 năm 2023
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Đức Hoàng

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

(*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HOÀNG THÀNH VIỆT NAM.**



PHỤ LỤC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp) ()*

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2022

Mẫu số: **B 03**
– DN
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HOÀNG THÀNH VIỆT NAM

[03] Mã số thuế: 0108255282

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		46.793.913.787	37.394.613.135
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(41.625.084.191)	(30.540.224.689)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.279.106.923)	(1.319.027.554)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(372.691.883)	(30.902.563)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(37.291.426)	(17.675.043)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		154.862.000	0
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(15.071.713.176)	(614.969.463)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(11.437.111.812)	4.871.813.823
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		0	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		128.391	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		128.391	0
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		10.900.000.000	4.000.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(4.645.996.000)	(395.996.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		6.254.004.000	3.604.004.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(5.182.979.421)	8.475.817.823
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		12.229.130.821	3.753.312.998
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		7.046.151.400	12.229.130.821



Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 08 tháng 03 năm 2023
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Đức Hoàng

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HOÀNG THÀNH VIỆT NAM.**



6. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (NĂM)

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số: **B 01 – DN**
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

[01] Tên người nộp thuế: Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Thành Việt Nam

[02] Mã số thuế: 0108255282

[03] Địa chỉ: Số 30, tổ dân phố 15, đường Trung Văn,
 Phường Trung Văn

[04] Quận/Huyện: Nam Từ Liêm

[05] Tỉnh/Thành phố: Hà Nội

[06] Điện thoại:

[07] Fax:

[08] E-mail:

BCTC đã được kiểm toán: ☐

Ý kiến kiểm toán:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		19.926.967.778	9.080.763.656
I. Tiền và các khoản tương đương tiền (110 = 111 + 112)	110		12.229.130.821	3.753.262.998
1. Tiền	111		12.229.130.821	3.753.262.998
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn (120 = 121 + 122 + 123)	120		0	0
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) (2)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn (130 = 131 + 132 + ... + 137 + 139)	130		3.565.014.928	2.997.876.902
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		3.557.398.928	2.994.686.902
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		0	0
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		7.616.000	3.190.000
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		0	0
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
IV. Hàng tồn kho (140 = 141 + 149)	140		4.086.184.001	2.157.714.044
1. Hàng tồn kho	141		4.086.184.001	2.157.714.044
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác (150 = 151 + 152 + ... + 155)	150		46.638.028	171.909.712
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		0	0
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		46.638.028	171.909.712
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		0	0
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		1.383.833.847	3.168.566.682
I- Các khoản phải thu dài hạn (210 = 211 + 212 + ... + 216 + 219)	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0



2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216		0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II. Tài sản cố định (220 = 221 + 224 + 227)	220		579.767.694	801.194.958
1. Tài sản cố định hữu hình (221 = 222 + 223)	221		579.767.694	801.194.958
- Nguyên giá	222		993.290.909	993.290.909
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(413.523.215)	(192.095.951)
2. Tài sản cố định thuê tài chính (224 = 225 + 226)	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình (227 = 228 + 229)	227		0	0
- Nguyên giá	228		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		0	0
III. Bất động sản đầu tư (230 = 231 + 232)	230		0	0
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		0	0
IV. Tài sản đang dở dài hạn (240 = 241 + 242)	240		0	0
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		0	0
V. Đầu tư tài chính dài hạn (250 = 251 + ... + 255)	250		0	0
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3. Đầu tư khác vào đơn vị khác	253		0	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
V. Tài sản dài hạn khác (260 = 261 + 262 + 263 + 268)	260		804.066.153	2.367.371.724
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		804.066.153	2.367.371.724
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		21.310.801.625	12.249.330.338
C - NỢ PHẢI TRẢ (300= 310 + 330)	300		19.046.127.075	10.133.821.493
I. Nợ ngắn hạn (310 = 311 + 312 + ... + 323 + 324)	310		15.046.127.075	10.133.821.493
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		11.968.886.601	6.585.133.081
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.750.309.652	2.817.143.369
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		58.626.822	20.865.043
4. Phải trả người lao động	314		84.300.000	130.680.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		0	0
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0



7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		0	0
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		184.004.000	580.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		0	0
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
II. Nợ dài hạn (330 = 331 + 332 +...+ 342 + 343)	330		4.000.000.000	0
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337		0	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		4.000.000.000	0
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		2.264.674.550	2.115.508.845
I. Vốn chủ sở hữu (410 = 411 + 412 +...+ 421 + 422)	410		2.264.674.550	2.115.508.845
1. Vốn góp của chủ sở hữu (411 = 411a + 411b)	411		1.800.000.000	1.800.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.800.000.000	1.800.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		0	0
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		0	0
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (421 = 421a + 421b)	421		464.674.550	315.508.845
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		315.508.845	206.933.579
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		149.165.705	108.575.266
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác (430 = 431 + 432)	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	431		0	0



2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		21.310.801.625	12.249.330.338

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2022
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Đức Hoàng

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú:

- (1) Những chỉ tiêu không có số liệu được miễn trình bày nhưng không được đánh lại "Mã số" chỉ tiêu.
- (2) Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).
- (3) Đối với doanh nghiệp có kỳ kế toán năm là năm dương lịch (X) thì "Số cuối năm" có thể ghi là "31.12.X"; "Số đầu năm" có thể ghi là "01.01.X".
- (4) Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện từ bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HOÀNG THÀNH VIỆT NAM.**



PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số: **B 02**
- DN
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC Ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[02] Tên người nộp thuế: Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Thành Việt Nam

[03] Mã số thuế: 0108255282

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		34.598.842.162	29.172.904.884
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		34.598.842.162	29.172.904.884
4. Giá vốn hàng bán	11		33.191.881.752	27.966.944.807
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.406.960.410	1.205.960.077
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		223.245	310.819
7. Chi phí tài chính	22		30.902.563	27.539.335
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		30.902.563	27.539.335
8. Chi phí bán hàng	25		0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1.188.837.820	1.047.323.962
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		187.443.272	131.407.599
11. Thu nhập khác	31		0	0
12. Chi phí khác	32		986.141	5.157.290
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(986.141)	(5.157.290)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		186.457.131	126.250.309
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		37.291.426	17.675.043
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		149.165.705	108.575.266
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		0	0



Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Đức Hoàng

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

(*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HOÀNG THÀNH VIỆT NAM.**



PHỤ LỤC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp) ()*

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021

Mẫu số: **B 03**
– DN
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[02] Tên người nộp thuế: Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Thành Việt Nam

[03] Mã số thuế: 0108255282

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		37.394.613.135	24.363.990.023
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(30.540.224.689)	(25.739.005.062)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.319.027.554)	(1.300.098.889)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(30.902.563)	(2.539.335)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(17.675.043)	(30.150.016)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		0	0
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(614.969.463)	(426.227.861)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.871.813.823	(3.134.031.140)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		0	(335.272.727)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		0	(335.272.727)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		4.000.000.000	0
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(395.996.000)	0
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		3.604.004.000	0
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		8.475.817.823	(3.469.303.867)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.753.312.998	7.222.616.865
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		12.229.130.821	3.753.312.998



Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Đức Hoàng

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HOÀNG THÀNH VIỆT NAM.**



7. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (NĂM)

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giá định hoạt động liên tục)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số: **B 01 – DN**
 (Ban hành theo Thông tư số
 200/2014/TT-BTC Ngày
 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

[01] Tên người nộp thuế: Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Thành Việt Nam

[02] Mã số thuế: 0108255282

[03] Địa chỉ: Số 30, tổ dân phố 15, đường Trung Văn,
 Phường Trung Văn

[04] Quận/Huyện: Nam Từ Liêm
 Hà Nội

[05] Tỉnh/Thành phố:

[06] Điện thoại:

[07] Fax:

[08] E-mail:

BCTC đã được kiểm toán: ☐

Ý kiến kiểm toán:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		9.080.763.656	14.982.013.347
I. Tiền và các khoản tương đương tiền (110 = 111 + 112)	110		3.753.262.998	7.222.616.865
1. Tiền	111		3.753.262.998	7.222.616.865
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn (120 = 121 + 122 + 123)	120		0	0
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) (2)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn (130 = 131 + 132 + ... + 137 + 139)	130		2.997.876.902	1.057.388.183
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		2.994.686.902	1.057.388.183
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		0	0
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		3.190.000	0
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		0	0
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
IV. Hàng tồn kho (140 = 141 + 149)	140		2.157.714.044	6.655.475.614
1. Hàng tồn kho	141		2.157.714.044	6.655.475.614
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác (150 = 151 + 152 + ... + 155)	150		171.909.712	46.532.685
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		0	0
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		171.909.712	46.532.685
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		0	0
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		3.168.566.682	960.117.072
I- Các khoản phải thu dài hạn (210 = 211 + 212 + ... + 216 + 219)	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0



2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216		0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II. Tài sản cố định (220 = 221 + 224 + 227)	220		801.194.958	584.905.054
1. Tài sản cố định hữu hình (221 = 222 + 223)	221		801.194.958	584.905.054
- Nguyên giá	222		993.290.909	658.018.182
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(192.095.951)	(73.113.128)
2. Tài sản cố định thuê tài chính (224 = 225 + 226)	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình (227 = 228 + 229)	227		0	0
- Nguyên giá	228		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		0	0
III. Bất động sản đầu tư (230 = 231 + 232)	230		0	0
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		0	0
IV. Tài sản đang dở dài hạn (240 = 241 + 242)	240		0	0
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		0	0
V. Đầu tư tài chính dài hạn (250 = 251 + ... + 255)	250		0	0
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3. Đầu tư khác vào đơn vị khác	253		0	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
V. Tài sản dài hạn khác (260 = 261 + 262 + 263 + 268)	260		2.367.371.724	375.212.018
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.367.371.724	375.212.018
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		12.249.330.338	15.942.130.419
C - NỢ PHẢI TRẢ (300= 310 + 330)	300		10.133.821.493	13.935.196.840
I. Nợ ngắn hạn (310 = 311 + 312 + ... + 323 + 324)	310		10.133.821.493	13.935.196.840
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		6.585.133.081	4.791.892.978
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.817.143.369	8.600.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		20.865.043	30.150.016
4. Phải trả người lao động	314		130.680.000	113.153.846
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		0	0
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0



7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		0	0
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		580.000.000	400.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		0	0
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
II. Nợ dài hạn (330 = 331 + 332 + ... + 342 + 343)	330		0	0
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337		0	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		0	0
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		2.115.508.845	2.006.933.579
I. Vốn chủ sở hữu (410 = 411 + 412 + ... + 421 + 422)	410		2.115.508.845	2.006.933.579
1. Vốn góp của chủ sở hữu (411 = 411a + 411b)	411		1.800.000.000	1.800.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.800.000.000	1.800.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		0	0
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		0	0
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (421 = 421a + 421b)	421		315.508.845	206.933.579
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		206.933.579	86.333.513
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		108.575.266	120.600.066
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác (430 = 431 + 432)	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	431		0	0



2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		12.249.330.338	15.942.130.419

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 29 tháng 03 năm 2021
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Đức Hoàng

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú:

- (1) Những chỉ tiêu không có số liệu được miễn trình bày nhưng không được đánh lại “Mã số” chỉ tiêu.
- (2) Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).
- (3) Đối với doanh nghiệp có kỳ kế toán năm là năm dương lịch (X) thì “Số cuối năm” có thể ghi là “31.12.X”; “Số đầu năm” có thể ghi là “01.01.X”.
- (4) Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HOÀNG THÀNH VIỆT NAM.**



PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số: **B 02**
– DN
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC Ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2020

[02] Tên người nộp thuế: Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Thành Việt Nam

[03] Mã số thuế: 0108255282

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		29.172.904.884	12.184.769.203
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		29.172.904.884	12.184.769.203
4. Giá vốn hàng bán	11		27.966.944.807	11.377.621.827
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.205.960.077	807.147.376
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		310.819	233.545
7. Chi phí tài chính	22		27.539.335	5.133.631
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		27.539.335	5.133.631
8. Chi phí bán hàng	25		0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1.047.323.962	649.539.766
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		131.407.599	152.707.524
11. Thu nhập khác	31		0	0
12. Chi phí khác	32		5.157.290	1.957.442
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(5.157.290)	(1.957.442)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		126.250.309	150.750.082
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		17.675.043	30.150.016
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		108.575.266	120.600.066
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		0	0



Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Đức Hoàng

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

(*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HOÀNG THÀNH VIỆT NAM.**



PHỤ LỤC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp) ()*

Mẫu số: **B 03**
- DN
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2020

[02] Tên người nộp thuế: Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Thành Việt Nam

[03] Mã số thuế: 0108255282

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		24.363.990.023	21.615.407.453
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(25.739.005.062)	(16.111.246.327)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.300.098.889)	(1.190.924.457)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(27.539.335)	(5.133.631)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(30.150.016)	(21.583.378)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		0	648.329.131
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(401.277.861)	(1.007.871.828)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.134.081.140)	3.926.976.963
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(335.272.727)	(658.018.182)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(335.272.727)	(658.018.182)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	1.700.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		0	0
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		0	0
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		0	1.700.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(3.469.353.867)	4.968.958.781
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		7.222.616.865	2.253.658.084
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		3.753.262.998	7.222.616.865



Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 29 tháng 03 năm 2021
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Đức Hoàng

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HOÀNG THÀNH VIỆT NAM.**



8. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (NĂM)

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giá định hoạt động liên tục)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số: **B 01 – DN**
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

[01] Tên người nộp thuế: Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Thành Việt Nam

[02] Mã số thuế: 0108255282

[03] Địa chỉ: số 30, tổ dân phố 15, phường Trung Văn

[04] Quận/Huyện: Nam Từ Liêm

[05] Tỉnh/Thành phố: Hà Nội

[06] Điện thoại:

[07] Fax:

[08] E-mail: xaydunghoangthanh.vn@gmail.com

BCTC đã được kiểm toán: ☐

Ý kiến kiểm toán:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		14.982.013.347	5.873.684.467
I. Tiền và các khoản tương đương tiền (110 = 111 + 112)	110		7.222.616.865	2.253.658.084
1. Tiền	111		7.222.616.865	2.253.658.084
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn (120 = 121 + 122 + 123)	120		0	0
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) (2)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn (130 = 131 + 132 + ... + 137 + 139)	130		1.057.388.183	669.549.514
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		1.057.388.183	669.549.514
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		0	0
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		0	0
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		0	0
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
IV. Hàng tồn kho (140 = 141 + 149)	140		6.655.475.614	2.943.577.152
1. Hàng tồn kho	141		6.655.475.614	2.943.577.152
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác (150 = 151 + 152 + ... + 155)	150		46.532.685	6.899.717
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		0	0
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		46.532.685	6.899.717
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		0	0
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		960.117.072	771.206.609
I- Các khoản phải thu dài hạn (210 = 211 + 212 + ... + 216 + 219)	210		0	0

1/4



1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216		0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II. Tài sản cố định (220 = 221 + 224 + 227)	220		584.905.054	0
1. Tài sản cố định hữu hình (221 = 222 + 223)	221		584.905.054	0
- Nguyên giá	222		658.018.182	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(73.113.128)	0
2. Tài sản cố định thuê tài chính (224 = 225 + 226)	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình (227 = 228 + 229)	227		0	0
- Nguyên giá	228		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		0	0
III. Bất động sản đầu tư (230 = 231 + 232)	230		0	0
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		0	0
IV. Tài sản đang dở dài hạn (240 = 241 + 242)	240		0	0
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		0	0
V. Đầu tư tài chính dài hạn (250 = 251 + ... + 255)	250		0	0
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3. Đầu tư khác vào đơn vị khác	253		0	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
V. Tài sản dài hạn khác (260 = 261 + 262 + 263 + 268)	260		375.212.018	771.206.609
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		375.212.018	771.206.609
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		15.942.130.419	6.644.891.076
C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		13.935.196.840	6.458.557.563
I. Nợ ngắn hạn (310 = 311 + 312 + ... + 323 + 324)	310		13.935.196.840	6.458.557.563
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		4.791.892.978	6.226.512.647
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8.600.000.000	0
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		30.150.016	21.583.378
4. Phải trả người lao động	314		113.153.846	60.461.538
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		0	0



6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		0	150.000.000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		400.000.000	0
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		0	0
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
II. Nợ dài hạn (330 = 331 + 332 + ... + 342 + 343)	330		0	0
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337		0	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		0	0
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		2.006.933.579	186.333.513
I. Vốn chủ sở hữu (410 = 411 + 412 + ... + 421 + 422)	410		2.006.933.579	186.333.513
1. Vốn góp của chủ sở hữu (411 = 411a + 411b)	411		1.800.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.800.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		0	0
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		0	0
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (421 = 421a + 421b)	421		206.933.579	86.333.513
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		86.333.513	0
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		120.600.066	86.333.513
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác (430 = 431 + 432)	430		0	0



1. Nguồn kinh phí	431		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		15.942.130.419	6.644.891.076

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 29 tháng 03 năm 2020
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Đức Hoàng

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú:

- (1) Những chỉ tiêu không có số liệu được miễn trình bày nhưng không được đánh lại "Mã số" chỉ tiêu.
- (2) Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).
- (3) Đối với doanh nghiệp có kỳ kế toán năm là năm dương lịch (X) thì "Số cuối năm" có thể ghi là "31.12.X"; "Số đầu năm" có thể ghi là "01.01.X".
- (4) Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HOÀNG THÀNH VIỆT NAM.**



PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2019

Mẫu số: **B 02**
– DN
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC Ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[02] **Tên người nộp thuế:** Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Thành Việt Nam

[03] **Mã số thuế:** 0108255282

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		12.184.769.203	6.531.527.361
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		12.184.769.203	6.531.527.361
4. Giá vốn hàng bán	11		11.377.621.827	6.080.561.960
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		807.147.376	450.965.401
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		233.545	65.895
7. Chi phí tài chính	22		5.133.631	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.133.631	0
8. Chi phí bán hàng	25		0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		649.539.766	343.114.405
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		152.707.524	107.916.891
11. Thu nhập khác	31		0	0
12. Chi phí khác	32		1.957.442	0
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1.957.442)	0
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		150.750.082	107.916.891
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		30.150.016	21.583.378
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		120.600.066	86.333.513
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		0	0



Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 29 tháng 03 năm 2020

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Đức Hoàng

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

(*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HOÀNG THÀNH VIỆT NAM.**



PHỤ LỤC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp) ()*

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2019

Mẫu số: **B 03**
– DN
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[02] Tên người nộp thuế: Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Thành Việt Nam

[03] Mã số thuế: 0108255282

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		21.615.407.453	4.980.156.815
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(16.111.246.327)	(2.332.189.739)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.190.924.457)	(614.881.624)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(5.133.631)	0
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(21.583.378)	0
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		648.329.131	900.065.895
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.007.871.828)	(779.493.263)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.926.976.963	2.153.658.084
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(658.018.182)	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(658.018.182)	0
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		1.700.000.000	100.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		0	0
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		0	0
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.700.000.000	100.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		4.968.958.781	2.253.658.084
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.253.658.084	0
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		7.222.616.865	2.253.658.084



Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 29 tháng 03 năm 2020
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Đức Hoàng

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HOÀNG THÀNH VIỆT NAM.**



❖ PHẦN III – NĂNG LỰC NHÂN SỰ



1. TỔNG QUAN SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Đội ngũ cán bộ, công nhân viên kỹ thuật trình độ cao, tác phong làm việc chuyên nghiệp:

Stt	Trình độ	Số lượng
1	Đại học	22
2	Cao đẳng	8
3	Trung cấp	5
4	Công nhân bậc cao	>100

Trong đó:

Stt	Trình độ	Số lượng
1	Kỹ sư XDDD&CN	10
2	Kỹ sư KTXD	3
3	Kỹ sư giao thông	2
4	Kỹ sư địa chất, trắc đạc	3
5	Kỹ sư điện, tin học Xây dựng	2
6	Kỹ sư vật liệu	2
7	Cao đẳng/Trung cấp	13
8	Công nhân kỹ thuật	>100

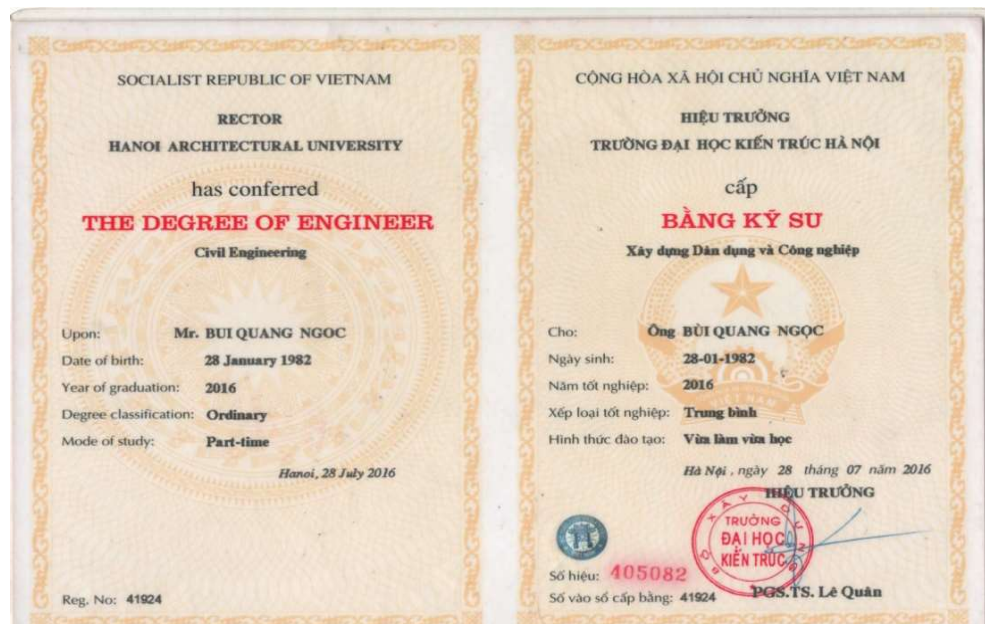


2. DANH SÁCH CÁN BỘ CHỦ CHỐT CỦA CÔNG TY

Stt	Họ và tên	Trình độ học vấn	Chức vụ
1	Nguyễn Đức Hoàng	Đại Học	Giám đốc
1	Bùi Quang Ngọc	Đại học	Phó tổng công ty
2	Phan Mạnh kiên	Đại học	Trưởng phòng KT
3	Nguyễn Quốc Việt	Đại học	Chỉ huy trưởng
4	Phạm Thế Thuận	Đại học	Chỉ huy trưởng
5	Đỗ Văn Trường	Đại học	Chỉ huy trưởng
6	Nguyễn Thành Việt	Đại học	Chỉ huy trưởng
7	Trần Văn Trọng	Đại học	Cán bộ kỹ thuật
8	Nguyễn Trọng Hiếu	Đại học	Cán bộ an toàn
9	Nguyễn Đức Nam	Đại học	Cán bộ kỹ thuật điện
10	Nguyễn Văn Hùng	Đại học	Cán bộ kỹ thuật
11	Trần Uy Hiệu	Cao Đẳng	Cán bộ kỹ thuật
12	Phạm Văn Sỹ	Đại học	Cán bộ kỹ thuật
13	Vũ Chấn Bang	Đại học	Cán bộ kỹ thuật
14	Nguyễn Văn Giang	Cao Đẳng	Cán bộ kỹ thuật
15	Phạm Văn Tâm	Đại học	Cán bộ kỹ thuật
16	Vũ Huy Đoán	Cao Đẳng	Cán bộ kỹ thuật
17	Hoàng Đình Văn	Cao Đẳng	Cán bộ kỹ thuật
18	Nguyễn Thế Huynh	Cao Đẳng	Cán bộ kỹ thuật
19	Hoàng Thị Hà	Đại học	Trưởng phòng kế toán
20	Nguyễn Thị Thanh Biên	Đại học	Kế toán viên
21	Vũ Thị Hương Giang	Đại học	Kế toán viên
22	Lê Hiếu	Đại học	Kế toán viên

3. BẢNG CẤP CHỨNG CHỈ MỘT SỐ NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

- **Họ tên:** BUI QUANG NGOC
- **Chức vụ:** Phó tổng công ty
- **Trình độ học vấn:** Tốt nghiệp trường đại kiến trúc Hà Nội – chuyên ngành xây dựng DD&CN



- **Họ tên:** PHAN MẠNH KIẾN
- **Chức vụ:** Trưởng phòng kỹ thuật
- **Trình độ học vấn:** Tốt nghiệp trường đại kiến trúc Hà Nội – chuyên ngành xây dựng DD&CN





- **Họ tên:** NGUYỄN QUỐC VIỆT
- **Chức vụ:** Chỉ huy trưởng
- **Trình độ học vấn:** Tốt nghiệp trường đại học xây dựng
– chuyên ngành công nghệ kỹ thuật xây dựng

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM RECTOR OF HAI PHONG UNIVERSITY confers THE DEGREE OF BACHELOR Upon: (Mr, Ms) NGUYEN QUOC VIET Born on: 15/09/1986 Major in: Construction Techniques Technology Ranking: Pass Mode of study: Full-time Serial number: Reference number: 2000/TN-2011	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI PHÒNG cấp BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC Danh hiệu: Bằng Kỹ sư Cho: NGUYỄN QUỐC VIỆT Giới tính: Nam Ngày, tháng, năm sinh: 15/09/1986 Ngành đào tạo: Công nghệ kỹ thuật xây dựng Xếp loại tốt nghiệp: Trung Bình Hình thức đào tạo: Chính quy Hải Phòng ngày 23 tháng 6 năm 2011 HIỆU TRƯỞNG Số hiệu: A 118279 GS.TS Vương Toàn Thuyền Số vào sổ cấp bằng: 2000/TN-2011
---	--

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ  Số: 1068B - 110 /GSTC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc CHỨNG NHẬN BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH Nguyễn Quốc Việt Chứng nhận ông/bà: 15 tháng 09 năm 1986 Sinh ngày: 15 tháng 09 năm 1986 Nơi sinh: Phú Thọ Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát thi công xây dựng công trình theo quy định tại Thông tư số 25 /2009/TT-BXD ngày 29 tháng 7 năm 2009 của Bộ Xây dựng. Loại công trình: Dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật Giáo trình: Thuyết minh, thuyết điện. Tổ chức từ ngày 02 tháng 12 năm 2011 đến ngày 25 tháng 12 năm 2011 Tại: Hà Nội Kết quả xếp loại: <i>Khá</i> ngày 26 tháng 12 năm 2011 CHẤM ĐÓC MAI VĂN KHÁNH
--	--



146

THÔNG TIN CÁ NHÂN

Chữ ký của người
được cấp chứng chỉ

Họ và tên: **Nguyễn Quốc Việt**
Ngày tháng năm sinh: **15/09/1986**
Số CMTND (hoặc hộ chiếu): **131408179**
Cấp ngày: **10/3/2012** tại: **CA Phú Thọ**
Quốc tịch: **Việt Nam**
Cơ sở đào tạo: **Đại học Hải Phòng**
Hệ đào tạo: **Chính quy**
Trình độ chuyên môn: **Kỹ sư ngành công nghệ kỹ thuật xây dựng**

**NỘI DUNG ĐƯỢC PHÉP
HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật	II	Từ 14/4/2023 đến 14/4/2028

Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2023

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hoàng Cao Thắng

**VIỆN ĐÀO TẠO VÀ BỒI DƯỠNG
CÁN BỘ XÂY DỰNG**

Chữ ký của người
được cấp chứng chỉ

QĐ: 01-26/2011/BDATLĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CHỨNG NHẬN
BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC
AN TOÀN LAO ĐỘNG**

Chúng nhận ông (bà): **NGUYỄN QUỐC VIỆT**
Ngày sinh: 15/09/1986 Nơi sinh: Phú Thọ
Đơn vị công tác: Công ty CP Coninco Tư vấn và Đầu tư
Đã hoàn thành khóa bồi dưỡng kiến thức:
AN TOÀN LAO ĐỘNG
Tổ chức từ ngày: 12/08/2011 đến ngày: 14/08/2011
Kết quả xếp loại: **Khá**

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2011

VIỆN TRƯỞNG

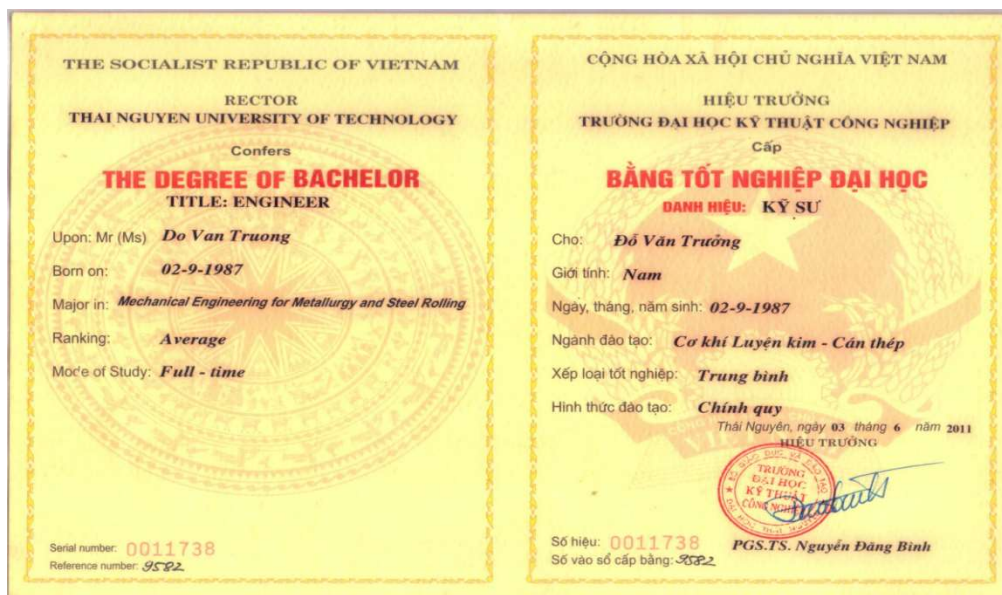
Ts. Bùi Mạnh Hùng



- **Họ tên:** PHẠM THẾ THUẦN
- **Chức vụ:** Chỉ huy trưởng
- **Trình độ học vấn:** Tốt nghiệp trường đại học Lương Thế Vinh – chuyên ngành kỹ thuật công trình xây dựng



- **Họ tên:** ĐỖ VĂN TRƯỜNG
- **Chức vụ:** Chỉ huy trưởng
- **Trình độ học vấn:** Tốt nghiệp trường đại kỹ thuật công nghiệp.



- **Họ tên:** NGUYỄN THÀNH VIỆT
- **Chức vụ:** Chỉ huy trưởng
- **Trình độ học vấn:** Tốt nghiệp trường đại học xây dựng
– chuyên ngành xây dựng dân dụng và CN



THÔNG TIN CÁ NHÂN

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

NGÀY: 28-06-2023

Chữ ký của người được
cấp chứng chỉ

CHỮ KÝ SỐ 3170 QUYỀN SỐ 02 SCT/BS

CÔNG CHỨNG VIÊN
Vũ Nam

Nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng:

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Giám sát Dân dụng, Công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật	II	từ 12/5/2020 đến 12/5/2025

Họ và tên: Nguyễn Thành Việt
Ngày tháng năm sinh: 12/12/1973
Số CMTND (hoặc số hộ chiếu): 212112907
Cấp ngày: 09/9/2008 tại CA Quảng Ngãi
Quốc tịch: Việt Nam
Cơ sở đào tạo: Đại học kỹ thuật - Đại học Đà Nẵng
Hệ đào tạo: Mở rộng
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng Dân dụng & CN

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2020
CHỦ TỊCH TỔNG HỘI XÂY DỰNG
VIỆT NAM

Trần Ngọc Hùng



TRUNG TÂM ĐÀO TẠO NGHIỆP VỤ XÂY DỰNG RDC **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

NGÀY: 28-06-2023

SỐ CHỨNG THỰC: 317 Cấp cho Ông/Bà: **NGUYỄN THÀNH VIỆT**

Ngày sinh: 12-12-1973

Quê Quán: Quảng Ngãi

Đã Hoàn Thành Khóa Bồi Dưỡng: **CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Tp ngày: 28/09/2019 Đến ngày: 28/12/2019

Đào tạo tại: Tp Hồ Chí Minh

Loại: Khá

Tp HCM, Ngày 02 tháng 01 năm 2020

Số: 007212/BDNV-TM20

CÔNG CHỨNG VIÊN
Vũ Nam

MAI NGỌC VINH

- **Họ tên:** TRẦN VĂN TRỌNG
- **Chức vụ:** Cán bộ kỹ thuật
- **Trình độ học vấn:** Tốt nghiệp trường đại học bách khoa – chuyên ngành xây dựng dân dụng và CN

BẢN SAO

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY - HO CHI MINH CITY
UNIVERSITY OF TECHNOLOGY
HEREBY CONFERS THE DEGREE OF

Bachelor of Engineering
Civil Engineering

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA
CẤP

Bằng Kỹ sư
Xây dựng
Xây dựng Dân dụng & Công nghiệp

UPON: **Trần Văn Trọng** CHO: **Trần Văn Trọng**

BORN ON: Jul. 16, 1984 IN: Quảng Ngãi

YEAR OF GRADUATION: 2007

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 01 năm 2020

Số đăng ký: 517KD02
(Registration N°)

BB 06837/20KH2/2005

Mã số SV (ID): 90202856

CÔNG CHỨNG VIÊN
Vũ Nam

HIỆU TRƯỞNG
ĐẠI HỌC BÁCH KHOA
PHÓ TS PHAN THỊ TÚ



- **Họ tên:** NGUYỄN VĂN GIANG
- **Chức vụ:** Cán bộ kỹ thuật điện
- **Trình độ học vấn:** Tốt nghiệp trường Cao đẳng Nam Định – chuyên ngành xây dựng dân dụng và CN



- **Họ tên:** NGUYỄN ĐỨC NAM
- **Chức vụ:** Cán bộ kỹ thuật điện
- **Trình độ học vấn:** Tốt nghiệp trường đại học công nghiệp Hà Nội – chuyên ngành KT điện, điện tử





- **Họ tên:** HOÀNG THỊ HÀ
- **Chức vụ:** Kế toán trưởng
- **Trình độ học vấn:** Tốt nghiệp trường đại học kinh tế quốc dân – chuyên ngành Kế toán



- **Họ tên:** LÊ HIẾU
- **Chức vụ:** Kế toán viên
- **Trình độ học vấn:** Tốt nghiệp trường đại học thương mại – chuyên ngành Kế toán





❖ PHẦN IV – NĂNG LỰC MÁY MÓC, THIẾT BỊ THI CÔNG



1. MÁY MÓC THIẾT BỊ PHỤC VỤ THI CÔNG XÂY DỰNG.

Stt	Tên máy móc thiết bị thi công	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ	Tình trạng	Hình ảnh
1	Máy xúc SOLAR 130W	chiếc	6	Nhật bản	Hoạt động tốt	
2	Máy xúc HYUNDAI 55W	chiếc	5	Nhật bản	Hoạt động tốt	
3	Máy xúc Komatsu 30W	chiếc	3	Nhật bản	Hoạt động tốt	
4	Ô tô vận chuyển tự đổ loại 8T	chiếc	5	T.Quốc	Hoạt động tốt	
5	Ô tô tải thùng	chiếc	7	T.Quốc	Hoạt động tốt	



6	Cầu tự hành bánh lốp 5 tấn	chiếc	3	Hàn quốc	Hoạt động tốt	
7	Cầu tự hành bánh lốp 10 tấn	chiếc	6	T.Quốc	Hoạt động tốt	
8	Vận thăng lồng đơn (2x11KW H=65m)	chiếc	15	Việt Nam	Hoạt động tốt	
9	Vận thăng lồng đôi (2x11KW H=65m)	chiếc	5	T.Quốc	Hoạt động tốt	
10	Máy ép cọc robot 120T	chiếc	1	T.Quốc	Hoạt động tốt	
11	Máy ép cọc tải thủy lực 80T	chiếc	2	T.Quốc	Hoạt động tốt	



12	Máy ép cọc neo 50T	chiếc	2	T.Quốc	Hoạt động tốt	
13	Cầu trục dàn chữ A 10T	chiếc	3	Hàn quốc	Hoạt động tốt	
14	Máy đầm cóc	chiếc	10	Việt Nam	Hoạt động tốt	
15	Máy cắt thép	chiếc	20	T.Quốc	Hoạt động tốt	
16	Máy uốn thép	chiếc	20	T.Quốc	Hoạt động tốt	
17	Máy hàn	chiếc	35	Hàn quốc	Hoạt động tốt	

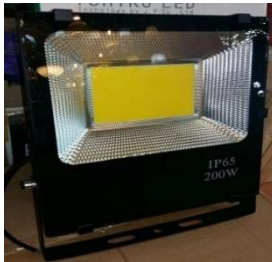


18	Máy khoan	chiếc	80	Nhật bản	Hoạt động tốt	
19	Máy đục	chiếc	60	Nhật bản	Hoạt động tốt	
20	Máy cắt con chuột Makita	chiếc	80	Nhật Bản	Hoạt động tốt	
21	Máy bơm con lợn	chiếc	12	Việt Nam	Hoạt động tốt	
22	Máy bơm tôm	chiếc	20	Việt Nam		
23	Máy bơm xăng	chiếc	15	Nhật bản	Hoạt động tốt	

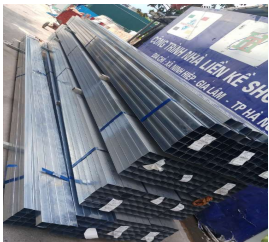


24	Máy phát điện công suất 5kW	chiếc	5	Nhật bản	Hoạt động tốt	
25	Máy trộn quả lê	chiếc	30	Việt Nam	Hoạt động tốt	
26	Máy toàn đạc laser	chiếc	5	Hàn Quốc	Hoạt động tốt	
27	Máy thủy bình	chiếc	12	Việt Nam	Hoạt động tốt	
28	Bộ đàm	chiếc	>100	Việt Nam	Hoạt động tốt	
29	Dây điện 3 pha lõi đồng	m	>10.000	Việt Nam	Hoạt động tốt	



30	Dây điện 1 pha 2.5	m	>50.000	Việt Nam	Hoạt động tốt	
31	Đèn chiếu sáng 100W	chiếc	150	Việt Nam	Hoạt động tốt	
32	Đèn chiếu sáng 200W	chiếc	>100	Việt Nam	Hoạt động tốt	
33	Ván khuôn cốp pha phủ phim (1220x2440x1,2mm)	m2	>20.000	Việt Nam	Hoạt động tốt	
34	giáo A mạ kẽm loại 0,75m	chân	>75.000	Việt Nam	Hoạt động tốt	
35	giáo A mạ kẽm loại 1m	chân	>100.000	Việt Nam	Hoạt động tốt	



36	giáo A mạ kẽm loại 1,5m	chân	>120.000	Việt Nam	Hoạt động tốt	
37	giáo tuýp	m	>50.000	Việt Nam	Hoạt động tốt	
38	Hộp mạ kẽm 50x50x1,4mm	tấn	>300	Việt Nam	Hoạt động tốt	
39	Hộp mạ kẽm 50x100x1,4mm	tấn	>120	Việt Nam	Hoạt động tốt	
40	Lưới dù an toàn loại mắt 30x30mm	m2	>30.000	Việt Nam	Hoạt động tốt	
41	Lưới chắn bụi, vật rơi 5x5mm	m2	>50.000	Việt Nam	Hoạt động tốt	



2. MÁY MÓC THIẾT BỊ VĂN PHÒNG

Stt	Tên máy móc thiết bị văn phòng	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ	Tình trạng	Hình ảnh
1	Máy tính xách tay Laptop	chiếc	20	Mỹ, T.Quốc	Hoạt động tốt	
2	Máy tính để bàn	chiếc	15	Mỹ, T.Quốc	Hoạt động tốt	
3	Máy in đa chức năng (A3,A4) canon	chiếc	8	Nhật bản	Hoạt động tốt	
4	Máy in, scan, photo canon iR2006N	chiếc	5	Nhật bản	Hoạt động tốt	
5	Máy in màu Epson khổ A4	chiếc	3	Nhật bản	Hoạt động tốt	



6	Máy in màu Epson khổ A3	chiếc	2	Nhật bản	Hoạt động tốt	
7	Máy chiếu đa năng	chiếc	8	Nhật bản	Hoạt động tốt	
8	Máy ảnh kỹ thuật số	chiếc	10	Nhật bản	Hoạt động tốt	
9	Xe ô tô loại 5 chỗ	chiếc	3	Nhật bản, hàn quốc	Hoạt động tốt	
10	Xe ô tô con loại 7 chỗ	chiếc	2	Nhật bản, hàn quốc	Hoạt động tốt	
11	Xe ô tô con loại bán tải	chiếc	2	Nhật bản, hàn quốc	Hoạt động tốt	



❖ PHẦN V – MỘT SỐ HỢP ĐỒNG THI CÔNG TIÊU BIỂU



1. MỘT SỐ HỢP ĐỒNG TIÊU BIỂU ĐÃ VÀ ĐANG THI CÔNG

Stt	Tên công trình	Tên HĐXD/PL HĐ	Giá trị HĐ/PLHD (vnd)	Năm	Chủ Đầu Tư	Đơn vị ký hợp đồng xây dựng
1	Nhà Liên kề SHOPHOUSE (LK172~LK179)	Hợp đồng thi công xây dựng số: 68/2018/TD-HT	3,712,212,000	2018	Công ty TNHH tập đoàn thương mại Tuấn Dung	Công ty CPXD Hoàng Thành VN
2	Nhà Liên kề SHOPHOUSE (LK01~LK09)	Hợp đồng thi công xây dựng số: 18.05/2018 LT-HTVN	7,586,136,000	2018-2019	Công ty TNHH tập đoàn thương mại Tuấn Dung	Công ty CPXD Hoàng Thành VN
3	Nhà Biệt Thự (BT1-08)	HĐXD SỐ: 88/2018/TD-HTVN	30.925.830.925	2018-2019	Công ty TNHH tập đoàn thương mại Tuấn Dung	Công ty CPXD Hoàng Thành VN
4	Khu đô thị Him Lam Đại Phúc – Nhà Liên Kề (LK2-06~LK2-21)	HĐXD SỐ: 02-2020/HĐXD và PLHĐ SỐ 01	13,066,825,568	2020	Công ty TNHH xây dựng và thương mại Tân Hưng	Công ty CPXD Hoàng Thành VN
5	Nhà Liên kề SHOPHOUSE	HĐXD SỐ: 98/2020/TD-HTVN	46.485.305.593	2020	Công ty TNHH tập đoàn thương mại Tuấn Dung	Công ty CPXD Hoàng Thành VN
6	Nhà máy sản xuất gỗ ván ép nhân tạo và đồ dùng may mặc Tuấn Dung mở rộng	HĐXD SỐ: 107/2021/T D-HTVN và PLHĐ SỐ 01	12,514,093,430	2021	Công ty TNHH tập đoàn thương mại Tuấn Dung	Công ty CPXD Hoàng Thành VN



7	Nhà Liên kết SHOPHOUSE (18 CĂN LK)	HĐXD SỐ: 110/2021/T D-HTVN và PLHĐ SỐ 01	26,268,915,712	2021	Công ty TNHH tập đoàn thương mại Tuấn Dung	Công ty CPXD Hoàng Thành VN
8	Nhà Biệt thự SHOPHOUSE	HĐXD SỐ: 2303/2022/T T6-2/HTV- HT	40,645,807,000	2022	Công ty Cổ phần ĐTPTXD Hạ Tầng Việt	Công ty CPXD Hoàng Thành VN
9	Nhà Biệt thự Song Lập	HĐXD SỐ: 06/2022/HĐ XD/ HN-HT và PLHĐ SỐ 01	32,291,796,831	2022	Công ty cổ phần ĐT XD và phát triển công trình Hà Nội	Công ty CPXD Hoàng Thành VN
10	Cửa hàng trưng bày, giới thiệu sản phẩm	HĐXD SỐ:01/2022/ MT-HTVN và PLHĐ SỐ 01	15,870,000,000	2022	Công ty TNHH thương mại Minh Thanh	Công ty CPXD Hoàng Thành VN
11	Bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản và xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn năm 2022 của trường ĐH Thủy Lợi	HĐXD SỐ: 69/2022/HĐ XD-ĐHTL	2.448.017.000	2022	Trường Đại học Thủy Lợi	Công ty CPXD Hoàng Thành VN
12	Xây trát hoàn thiện bệnh viện quốc tế Phương Đông	HĐXD số 12/2023/HĐ XD/TA-HT	25.756.328.000	2023	Công ty TNHH tổ hợp y tế Phương Đông	Công ty CPXD Hoàng Thành VN
13	Bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản và xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn năm 2023 của trường ĐH Thủy Lợi	HĐXD SỐ: 86/2023/HĐ XD-ĐHTL	2.654.963.000	2023	Trường Đại học Thủy Lợi	Công ty CPXD Hoàng Thành VN



14	Thi công nhà máy số 4 ở MKVC	HĐXD SỐ: 01/2024/HĐ /LICOGI 18.7-HTVN	25.688.333.520	2024	Công ty TNHH điện tử Meiko Việt Nam	Công ty CPXD Hoàng Thành VN
----	---------------------------------	--	----------------	------	---	---



❖ PHẦN VI – HÌNH ẢNH THỰC TẾ MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU



Dự án: Khu Nhà Ở Thấp Tầng xã Ninh Hiệp – Huyện Gia Lâm

Khu nhà ở thấp tầng xã Ninh Hiệp huyện Gia Lâm bao gồm 244 căn nhà biệt thự thấp tầng.

Chủ đầu tư : Công ty TNHH tập đoàn thương mại Tuấn Dung

Đơn vị thi công : Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Thành Việt Nam

Địa chỉ : xã Ninh Hiệp huyện Gia Lâm Tp Hà Nội













Khu Biệt Thự Đơn Lập thuộc khu nhà ở thấp tầng xã Ninh Hiệp

Chủ đầu tư : Công ty TNHH tập đoàn thương mại Tuấn Dung

Tư vấn giám sát : Công ty cổ phần Texo

Đơn vị thi công : Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Thành Việt Nam

Địa chỉ : xã Ninh Hiệp huyện Gia Lâm Tp Hà Nội

Khởi công : năm 2018, hoàn thành : năm 2019











Công Trình: NHÀ MÁY LUXSHARE ICT

Công trình Nhà máy Luxshare ICT có qui mô 16.2ha tại địa chỉ KCN Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.







KHU ĐÔ THỊ HIM LAM GREEN PARK

Tên dự án: Khu Đô Thị Him Lam Green Park

Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Him Lam (*Thuộc top 10 công ty Bất động sản có tài chính lớn và uy tín nhất*)

Vị trí: Tọa lạc tại Phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh.

Quy mô dự án: Tổng diện tích 268.028 m², gồm có: 666 căn liền kề thiết kế xây 4-5 tầng, 22 căn biệt thự cao cấp và 6 Block chung cư.

Diện tích:

Khu nhà liền kề: Từ 70.50m² – 142.00m² (thường là 75m² mỗi căn)

Khu biệt thự nhà vườn cao cấp: Từ 212 m² – 328,41 m²

Khu căn hộ chung cư: Từ 40m² – 70m²

Nhà Thầu chính : Công TNHH xây dựng và thương mại Tân Hưng

Đơn vị thi công : Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Thành Việt Nam













MỘT SỐ HÌNH ẢNH THI CÔNG ĐÚC CỌC VÀ ÉP CỌC BTCT CỦA CÔNG TY HOÀNG THÀNH













Công trình: Nhà trưng bày và giới thiệu sản Phẩm

Dự án: Nhà máy sản xuất gỗ ván ép nhân tạo và đồ dùng may mặc Tuấn Dung mở rộng

Quy mô dự án : Diện tích xây dựng 1.952m²; Tổng diện tích sàn 3.934m²; Số tầng 02.

Chủ đầu tư : Công ty TNHH tập đoàn thương mại Tuấn Dung

Tư vấn Thiết kế: Công ty TNHH kiến trúc NVT

Đơn vị thi công : Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Thành Việt Nam

Địa chỉ : Lô CN5-03 cụm công nghiệp, xã Ninh Hiệp huyện Gia Lâm Tp Hà Nội













DỰ ÁN: TRUNG TÂM HỘI NGHỊ QUỐC TẾ FLC VĨNH PHÚC

Chủ đầu tư : CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Tổng thầu: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG FLC FAROS

Đơn vị thi công : CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HOÀNG THÀNH
VIỆT NAM

Địa điểm: XÃ VĨNH THỊNH, HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC.









DỰ ÁN: KHU DU LỊCH SINH THÁI, RESORT VEN BIỂN

CÔNG TRÌNH: NHÀ BIỆT THỰ SONG LẬP

Chủ đầu tư : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐTXD VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH HÀ NỘI & CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN THƯƠNG MẠI TUẤN DUNG

Đơn vị thi công : CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HOÀNG THÀNH VIỆT NAM

Địa điểm: XÃ HẢI AN, HUYỆN TĨNH GIA, TỈNH THANH HÓA.













DỰ ÁN: NHÀ Ở THẤP TẦNG THUỘC QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU CHỨC NĂNG ĐÔ THỊ TÂY TỰU

Chủ đầu tư : CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SCG

Đơn vị thi công : CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HOÀNG THÀNH
VIỆT NAM

Địa điểm: Phường Tây Tựu, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.















DỰ ÁN: XÂY DỰNG CỬA HÀNG TRỪNG BÀY, GIỚI THIỆU SẢN PHẨM

Chủ đầu tư : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MINH THANH

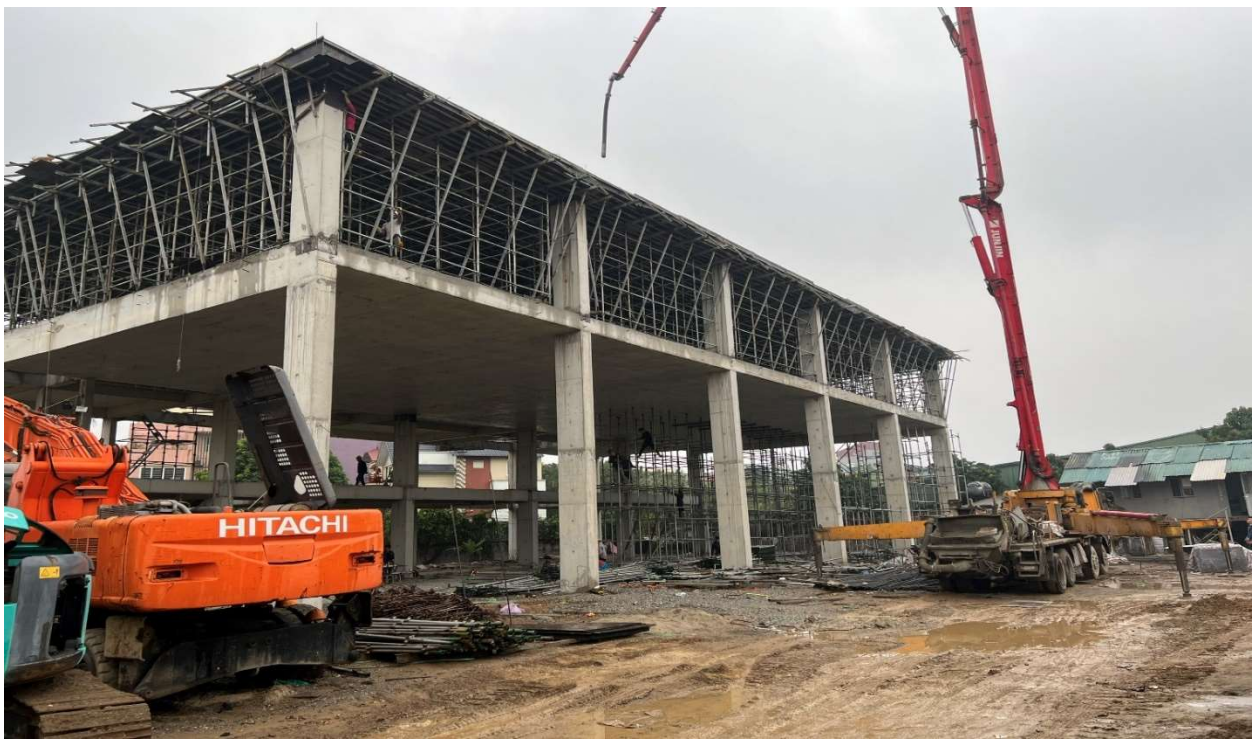
**Đơn vị thi công : CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HOÀNG THÀNH
VIỆT NAM**

Địa điểm: Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, TP.Hà Nội.

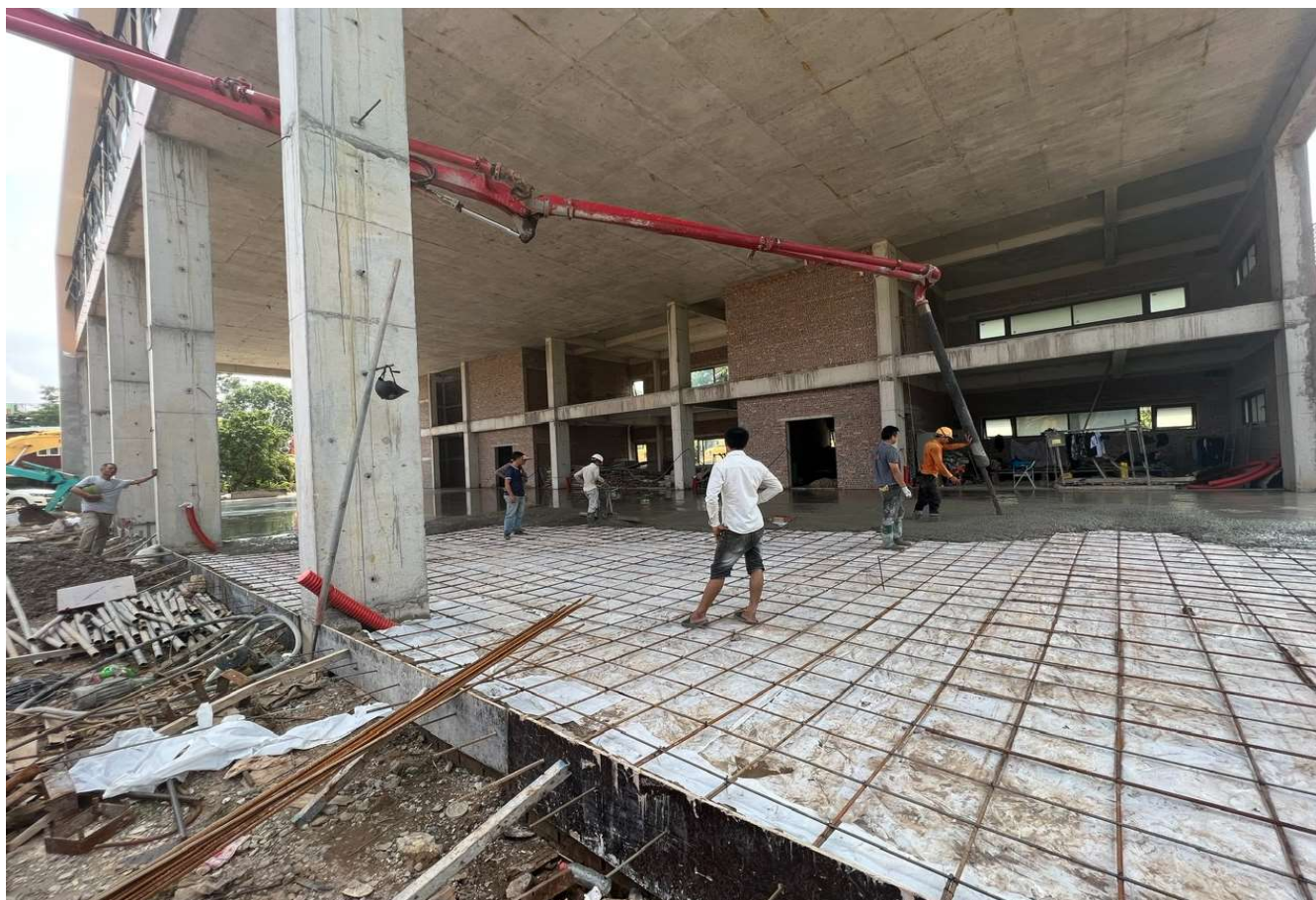














DỰ ÁN: TỔ HỢP Y TẾ PHƯƠNG ĐÔNG

Chủ đầu tư : CÔNG TY TNHH TỔ HỢP Y TẾ PHƯƠNG ĐÔNG

Tổng thầu thi công: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG
INTRACOM

Đơn vị thi công xây trát hoàn thiện : CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
HOÀNG THÀNH VIỆT NAM

Địa điểm: SỐ 9-PHỐ VIÊN_P.CỔ NHUẾ_Q.BẮC TỪ LIÊM_TP.HÀ NỘI.

THÔNG TIN CÔNG TRÌNH

- TÊN DỰ ÁN:
Tổ hợp Y tế Phương Đông.
- TÊN CÔNG TRÌNH:
Tòa nhà chính tháp A, tháp B.
- ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
Số 9 Phố Viên - P. Cổ Nhuế - Q. Bắc Từ Liêm - Hà Nội.
- CHỦ ĐẦU TƯ:
Công ty TNHH Tổ hợp Y tế Phương Đông.
- TỔNG THẦU THI CÔNG:
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Intracom.
- TƯ VẤN GIÁM SÁT:
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng và Giao thông.
- TƯ VẤN THIẾT KẾ:
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng ICU.
- GIẤY PHÉP XÂY DỰNG:
Số 891/SXD-CP.
- NGÀY KHỞI CÔNG VÀ HOÀN THÀNH (DỰ KIẾN)
Tháp A: 09/2022- 08/2024.
Tháp B: 11/2022- 10/2024.

11 ĐIỀU LỆ CƠ BẢN TRONG AN TOÀN LAO ĐỘNG

11 ĐIỀU LỆ CƠ BẢN TRONG AN TOÀN LAO ĐỘNG

Kiểm tra an toàn trước khi làm việc

Đảm bảo an toàn lối đi nơi làm việc

Trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động

Đảm bảo hệ thống điện, tủ điện an toàn

Máy cưa, máy hàn phải được bảo hộ an toàn

CẤM Ở GẦN KHU VỰC

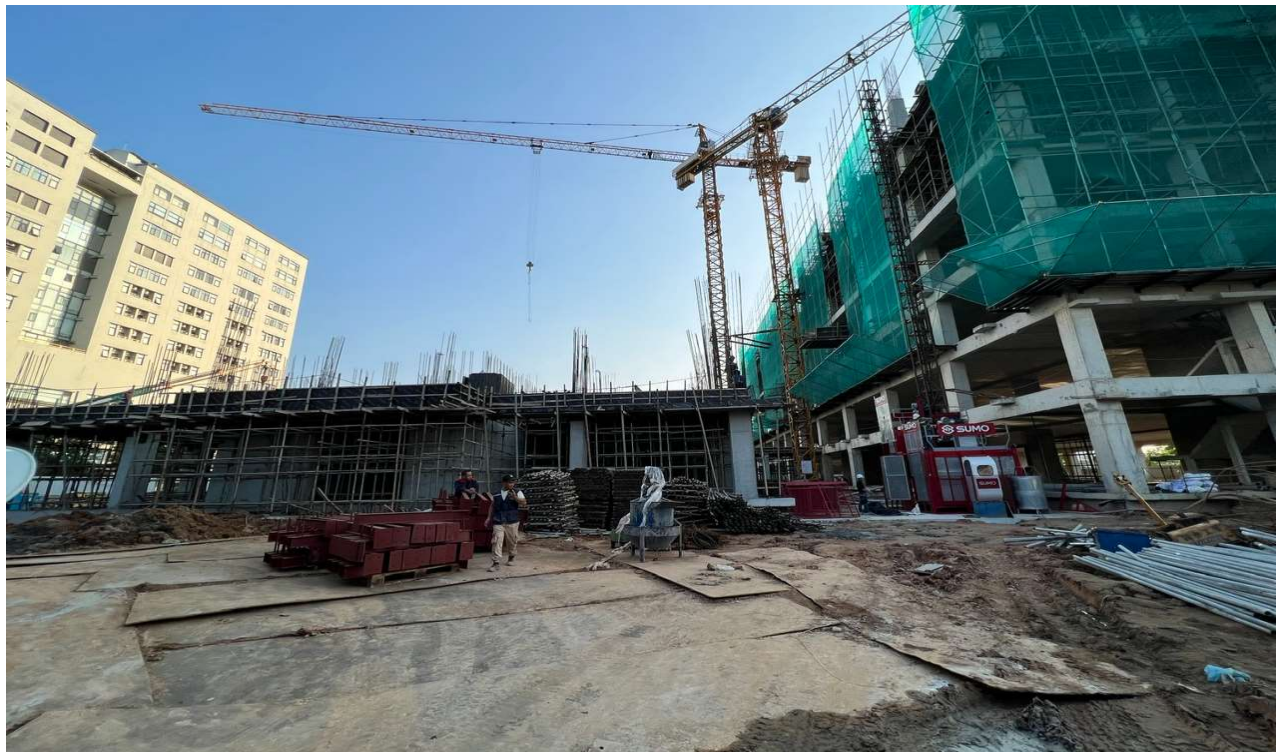
LẬP HỆ THỐNG LƯỚI

HỆ THỐNG CHỐT NỐI

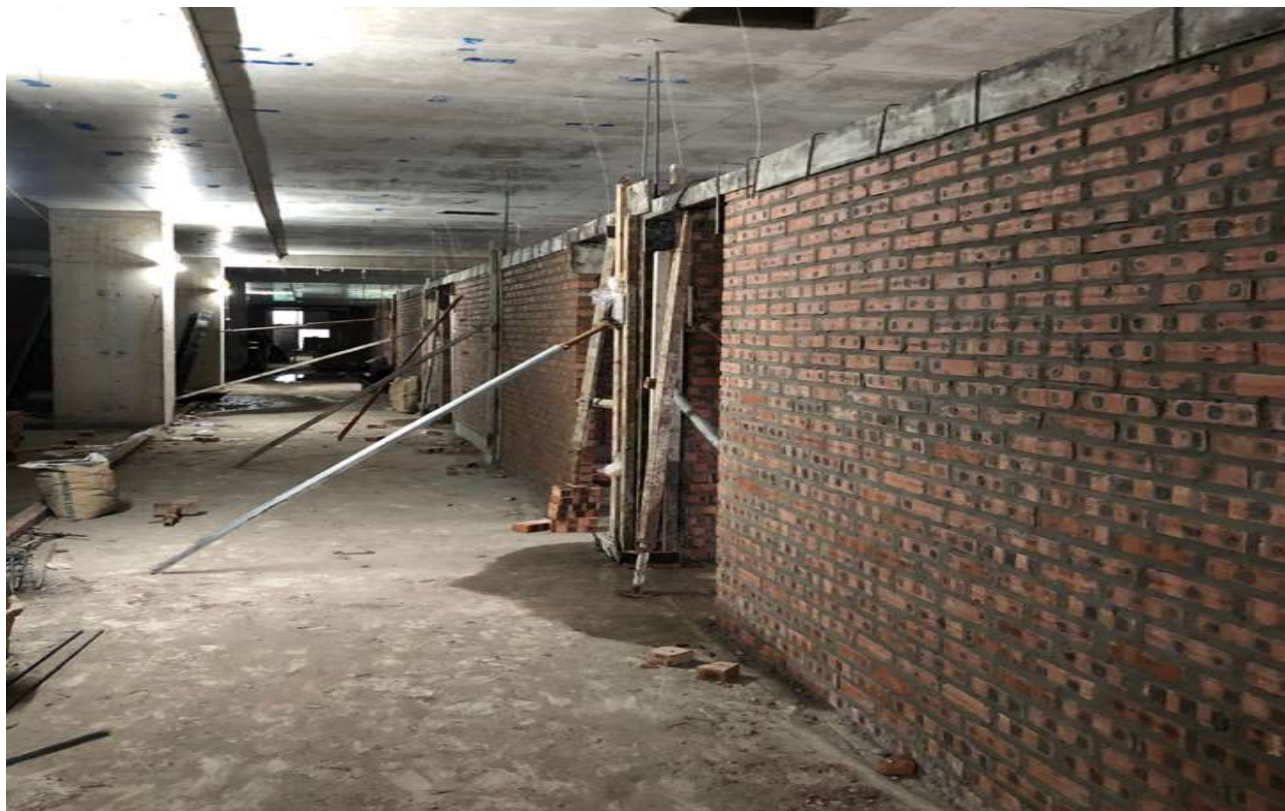
CÁCH LY CHẤT NÉN CHÁY

ĐÓNG NỐC NHỎ











DỰ ÁN: THI CÔNG XÂY DỰNG NHÀ MÁY MỞ RỘNG SỐ 4 MKVC

Chủ đầu tư : CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ MEIKO VIỆT NAM

Tổng thầu thi công: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ
CÔNG NGHỆ VIỆT NHẬT

Đơn vị thi công: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HOÀNG THÀNH
VIỆT NAM

Địa điểm: LÔ CN9, KHU CÔNG NGHIỆP THẠCH THẮT - QUỐC OAI - XÃ
PHÙNG XÁ - HUYỆN THẠCH THẮT- TP.HÀ NỘI.











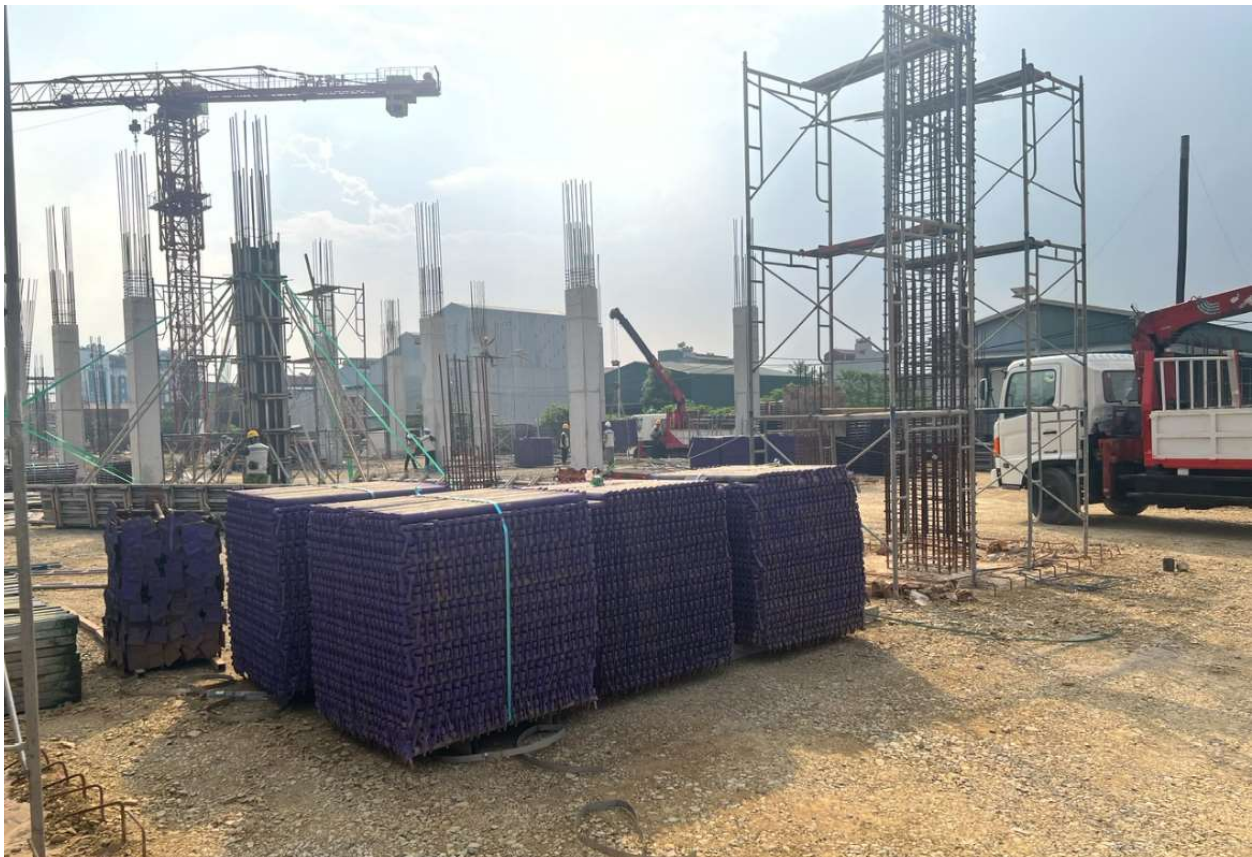


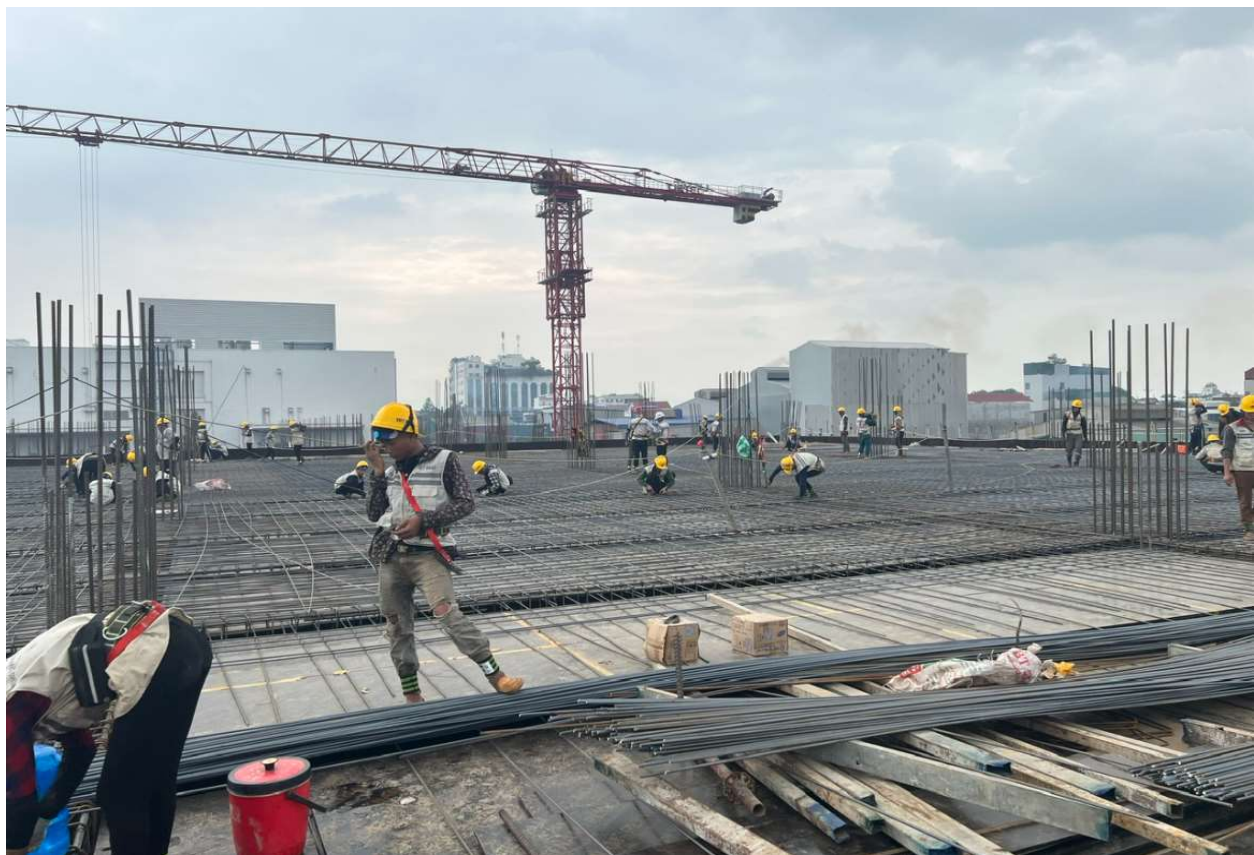


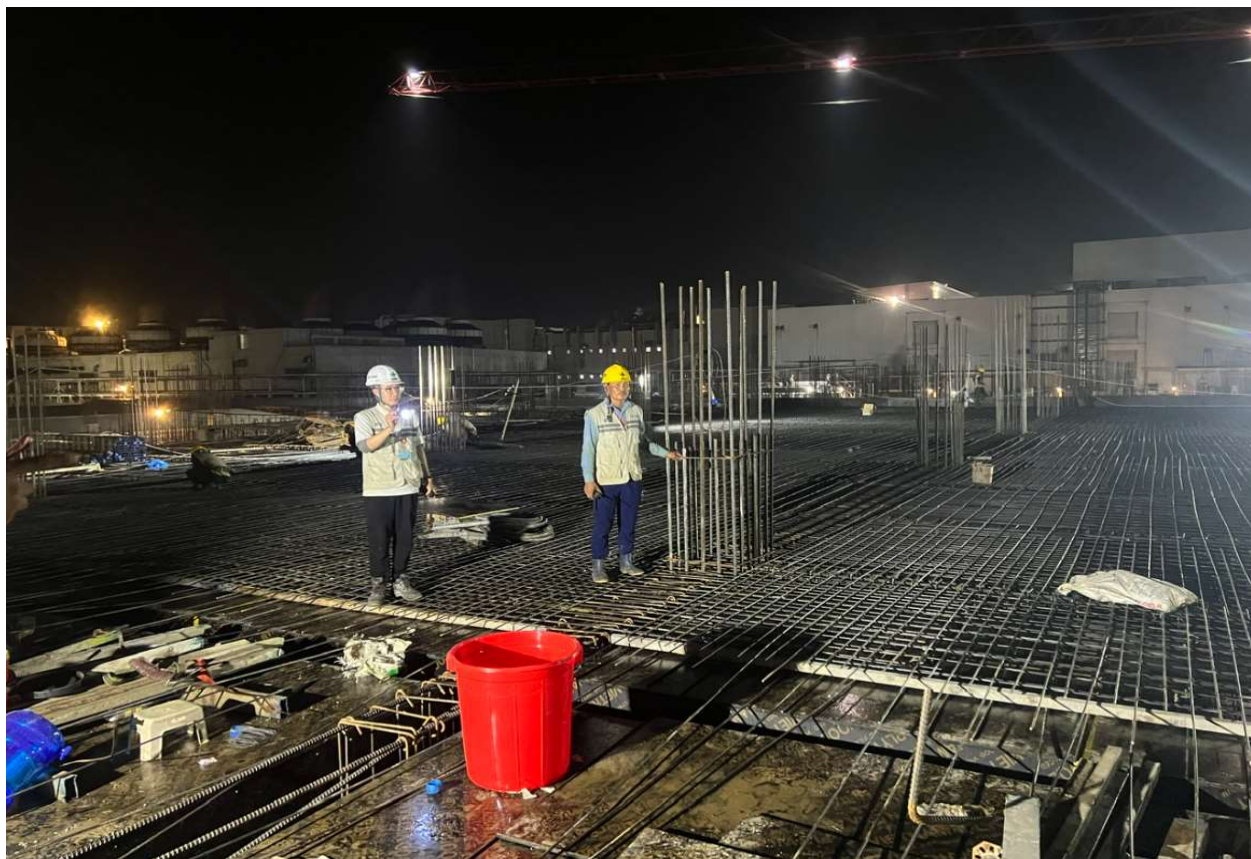


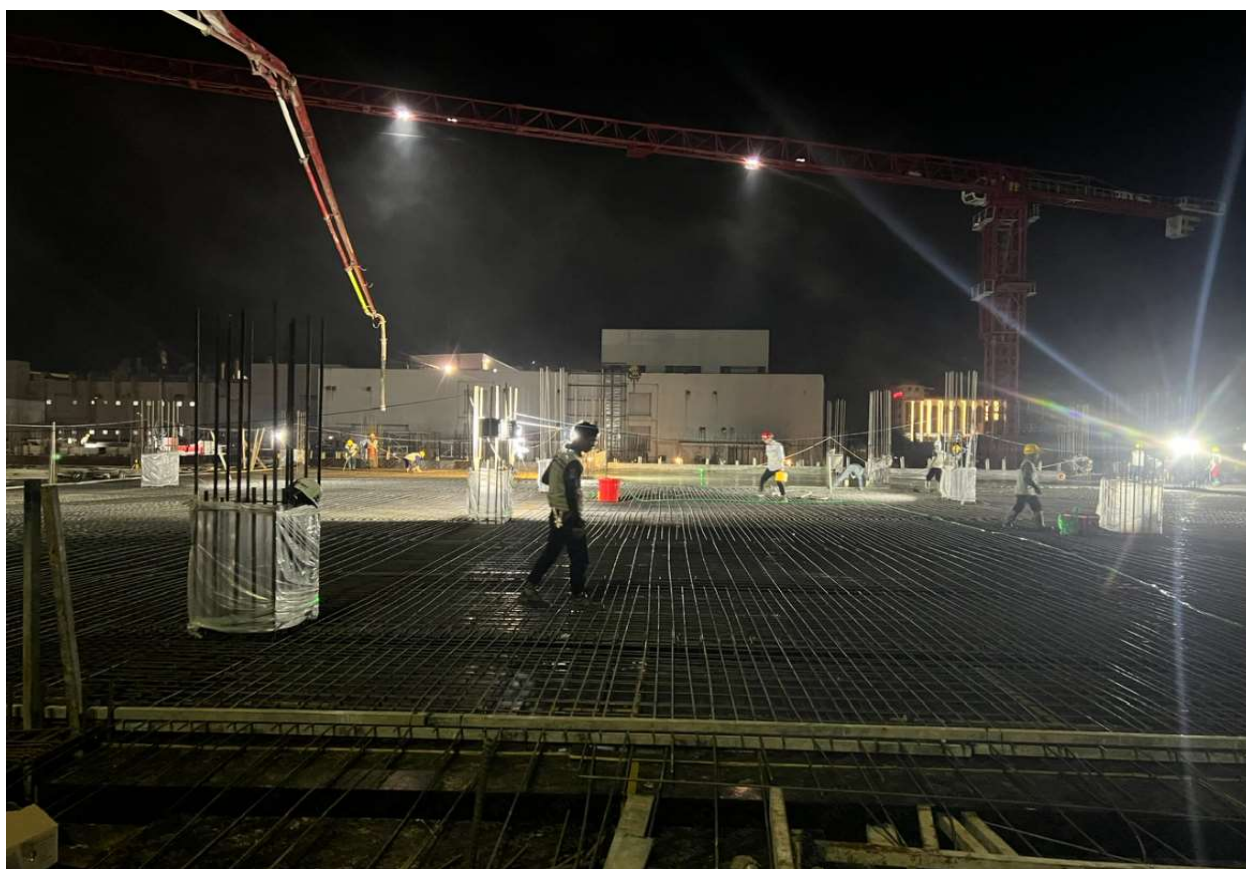


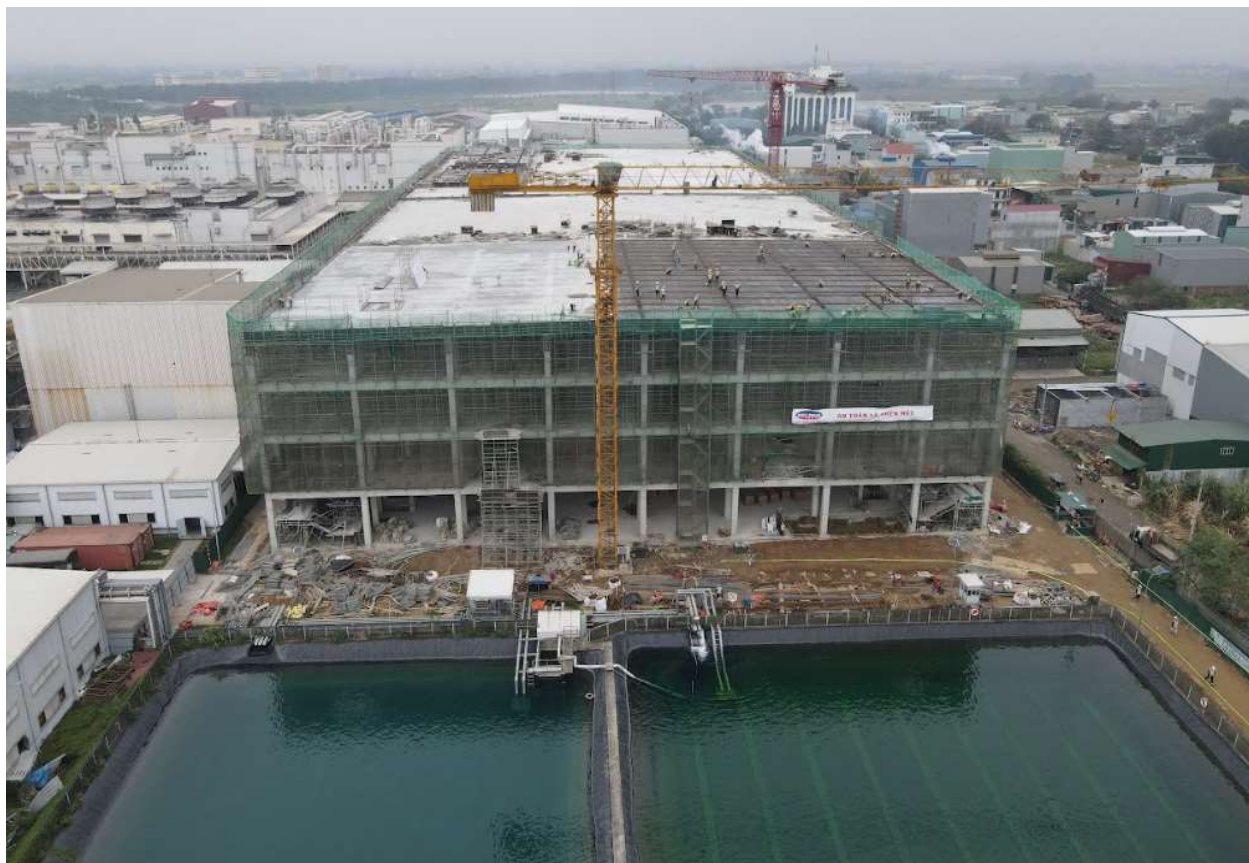














DỰ ÁN: KHÁCH SẠN WINK HỒ TÂY

Chủ đầu tư : CÔNG TY TNHH CAO ỐC QUỐC TẾ HỒ TÂY

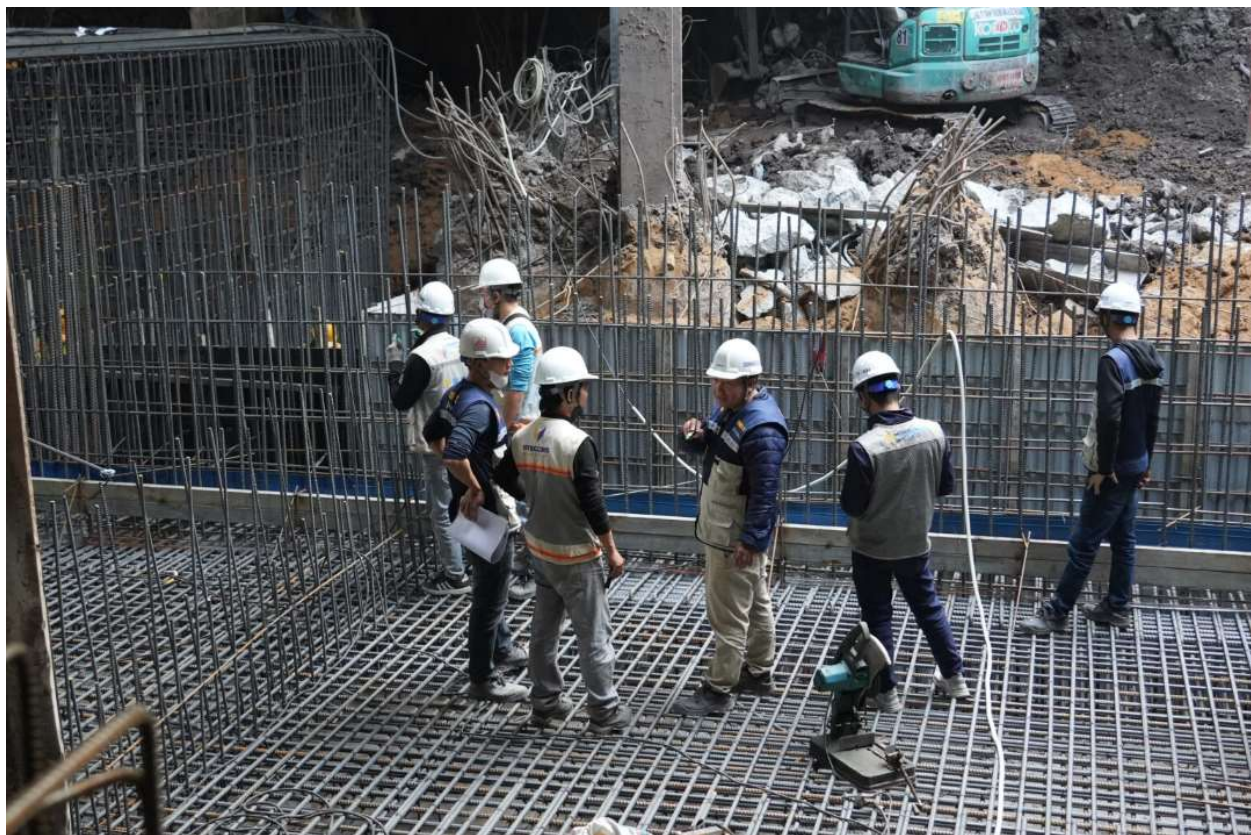
Tổng thầu thi công: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VITECCONS

Đơn vị thi công: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HOÀNG THÀNH VIỆT NAM

Địa điểm: SỐ 18 P. THUY KHUÊ – Q. TÂY HỒ - TP. HÀ NỘI.









DỰ ÁN: TRUNG TÂM LOGISTICS DEEP C 2B HẢI PHÒNG

Chủ đầu tư : BW INDUSTRIAL

Tổng thầu thi công: CÔNG TY CP XÂY DỰNG MEGASPACE

Đơn vị thi công: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HOÀNG THÀNH VIỆT NAM

Địa điểm: NAM ĐÌNH VŨ-TP.HẢI PHÒNG.











DỰ ÁN: XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ MÁY SẢN XUẤT, CHẾ TẠO CÁC BẢNG MẠCH IN ĐIỆN TỬ (PCB)

Chủ đầu tư : CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ MEIKO HOÀ BÌNH

Tổng thầu: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHIỆP NSN

Đơn vị thi công : CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HOÀNG THÀNH VIỆT NAM

Địa điểm: PHƯỜNG HỮU NGHỊ - THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH.











DỰ ÁN: THI CÔNG PHẦN NGẦM COSS 00 LÔ BT 8 9

Chủ đầu tư : CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SEECONS

Tư vấn giám sát: CONINCO-3C

Đơn vị thi công: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HOÀNG THÀNH
VIỆT NAM

Gói thầu thi công: Phần ngầm Coss 00 Lô BT 89

Địa điểm: Khu đô thị Nam Thăng Long, Phường Phú Thượng, Thành phố Hà Nội.





